

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Túy Phương;

Bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu P, sinh năm: 1982; địa chỉ: 13/27 khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh B; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981; địa chỉ: 13/27 khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh B; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Thu P kết hôn với ông Nguyễn Văn Q trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Phước K, thị xã Tân U, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/2004, cấp ngày 11/6/2004.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không thành, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân là do ông Q thường xuyên uống rượu bia đến say rồi về chửi mắng và đánh đập bà P. Bà P đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giúp đỡ tôi. Tuy nhiên, sau khi lực lượng công an đến mời ông Q về trụ sở làm việc thì không có lập biên bản mà chỉ

nhắc nhở ông Q. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Thu P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thu P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Nguyễn Trường H, sinh ngày 05/12/2004; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/8/2006; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/5/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Thu P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thu P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Q thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Thu P về thời gian, điều kiện kết hôn về con chung và về mâu thuẫn vợ chồng. Trước yêu cầu của bà P thì ông Q có ý kiến như sau: Ông Q nhận thấy bản thân vẫn còn thương vợ thương con, muốn gia đình hạnh phúc. Việc bà P cho rằng ông đánh đập bà là không có, ông thừa nhận mỗi khi uống say ông có chửi mắng vợ con nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Tuy nhiên, trường hợp bà P nhất quyết yêu cầu ly hôn thì ông Q cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Q thống nhất giao 03 con chung là Nguyễn Trường H, sinh ngày 05/12/2004; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/8/2006; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/5/2010 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu P khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q. Ông Q hiện đang thường trú tại phường C, thành phố T, tỉnh B. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện về việc về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu P và ông Nguyễn Văn Q kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân U, tỉnh B nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà P yêu cầu được ly hôn với ông Q vì cho rằng cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc nguyên nhân là ông Q thường xuyên uống rượu bia đến say rồi về chửi mắng và đánh đập bà P. Qua xác minh tại địa phương được biết: Quá trình chung sống, vợ chồng bà P và ông Q thường xuyên mâu thuẫn và phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp, chính quyền địa phương đã phải nhiều lần lập biên bản nhắc nhở ông Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân như bà P trình bày, nhưng không muốn ly hôn vì sợ các con sau này sẽ trách. Tuy nhiên, nếu bà P nhất quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu P, xử cho bà Huỳnh Thị Thu P và ông Nguyễn Văn Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P và ông Q có 03 con chung là Nguyễn Trường H, sinh ngày 05/12/2004; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/8/2006; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/5/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và ông Q cũng thống nhất giao các con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày ... các cháu Nguyễn Trường H, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Đăng K đều có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thu P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu P đối với ông Nguyễn Văn Q về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thu P được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q

Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Trường H, sinh ngày 05/12/2004; Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/8/2006; Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22/5/2010 cho bà Huỳnh Thị Thu P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Thu P không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thu P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0001901 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hoài Phương

